TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2019/DS-PT
Ngày: 28-5-2019
Về việc tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: 1- Ông Trần Bá Kha

2- Bà Hoàng Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 109/2019/QĐ-PT ngày 15/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1956

Địa chỉ: đường L, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:*

1. Anh Mai Văn T, sinh năm 1980

2. Chị Hồ Thị Th, sinh năm 1990

Địa chỉ: Đường M, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị Th: Anh Mai Văn Th1, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Mai Văn T, chị Hồ Thị Th.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Huỳnh Thị C trình bày: Vào tháng 02/2015 vợ chồng anh T, chị Th có vay của bà số tiền 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng) để mua đất và xây nhà. Do anh T chạy tài công ghe cho bà nên bà mới tin tưởng cho vay tiền không tính lãi để mua đất, xây nhà. Đến năm 2017, vợ chồng anh T, chị Th có trả cho bà được 110.000.000đồng (một trăm mười triệu đồng), sau đó vay thêm của bà 60.000.000đồng. Đến ngày 12/9/2018 anh T nghỉ việc, không chạy ghe cho bà, bà mới kết sổ lại vợ chồng anh T còn nợ bà số tiền 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), vợ chồng anh T có viết giấy nợ và hẹn mỗi năm trả 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) nhưng bà không đồng ý phương thức trả nợ. Nay bà yêu cầu anh T, chị Th trả cho bà số tiền 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn anh Mai Văn T, chị Hồ Thị Th cùng trình bày: Từ năm 2013 anh T có chạy tài công thuê cho ghe của bà C, năm 2015 anh T có vay của bà C số tiền 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng), không tính lãi suất. Trong quá trình vay, anh T có trả được 110.000.000đồng (một trăm mười triệu đồng) và vay thêm, đến nay còn nợ bà C số tiền 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Do chạy ghe đánh bắt được ít, thu nhập không nhiều, gia đình khó khăn nên anh T xin nghỉ việc. Ngày 12/9/2018 anh T, chị Th có viết giấy nợ hẹn với bà C mỗi năm trả 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) , thời hạn trả là 05 năm, bà C cũng đồng ý cho trả dần nhưng khi có giấy nợ bà C lại đi khởi kiện. Hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên anh T, chị Th không có khả năng trả một lần nên anh chị xin được trả dần mỗi năm 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) theo giấy mượn nợ lập ngày 12/9/2018.

*** Tại bản án sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:**

Buộc anh T, chị Th phải trả cho bà C số tiền 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 14/3/2019 anh T, chị Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị Th yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên anh T, chị Th không có khả năng trả một lần cho bà C, anh T, chị Th xin được trả dần mỗi năm 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) theo giấy mượn nợ lập ngày 12/9/2018.

Còn bà C yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc anh T, chị Th phải trả cho bà C số tiền 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của vợ chồng anh T, chị Th; bà C đã rút yêu cầu tính lãi suất nhưng Tòa án cấp sơ không đình chỉ là có thiếu sót đề nghị cấp phúc thẩm sửa lại cho phù hợp quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện ngày 17/9/2018 bà Huỳnh Thị C khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Mai Văn T, chị Hồ Thị Th phải trả số tiền nợ gốc là 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và yêu cầu trả lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (bút lục 01). Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C rút lại yêu cầu không tính lãi suất (bút lục 61) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự là có thiếu sót, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm đối với thiếu sót này.

[2] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đều thừa nhận anh T có chạy tài công thuê cho ghe của bà C, năm 2015 anh T có vay của bà C số tiền 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng) để mua đất và xây nhà, không tính lãi suất. Trong quá trình vay, anh T, chị Th có trả được 110.000.000đồng (một trăm mười triệu đồng) và vay thêm 60.000.000đồng, đến nay còn nợ bà C số tiền 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Vợ chồng anh T, chị Th có viết giấy mượn nợ ngày 12/9/2018. Sự kiện này được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung kháng cáo của anh T, chị Th cũng như ý kiến của người đại diện theo ủy quyền yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên anh T, chị Th không có khả năng trả một lần cho bà C; anh T, chị Th xin được trả dần mỗi năm 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) theo giấy mượn nợ lập ngày 12/9/2018. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng anh T, chị Th thừa nhận còn nợ bà C số tiền gốc là 250.000.000đồng nhưng đề nghị trả mỗi năm 50.000.000đồng theo giấy mượn nợ lập ngày 12/9/2018, tức là hàng năm trả 50.000.000đồng vào ngày 12/9. Xét thấy, "giấy mượn nợ" đề ngày 12/9/2018 chỉ có chữ ký của anh T, chị Th, không có chữ ký của bà C (bút lục 05). Bà C cũng không đồng ý phương thức trả nợ của anh T, chị Th và đã làm đơn khởi kiện ngày 17/9/2018. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 06/12/2018, ông Trần Thanh H, phó Trưởng khu phố M xác định ông chỉ xác nhận nội dung anh T, chị Th có mượn tiền của bà C, còn cách thức thanh toán nợ ông không xác nhận vì không có mặt bà C. Anh T mang giấy mượn nợ nhờ ông xác nhận (bút lục 33a). Như vậy, không có căn cứ để cho rằng bà C và anh T, chị Th thỏa thuận trả tiền hàng năm cũng như thời hạn trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh T, chị Th phải trả cho bà Csố tiền 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Đối với yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị Th cho rằng hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên anh T, chị Th không có khả năng trả một lần cho bà C; anh T, chị Th xin được trả dần mỗi năm 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng). Xét thấy bà C không đồng ý cho vợ chồng anh T, chị Th trả dần. Theo quy

định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 /TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao -Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: *"Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án"*. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh T, chị Th cũng như ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị Th. Trường hợp anh T, chị Th thực sự khó khăn, không có khả năng trả một lần thì có thể làm đơn để cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[5] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh T, chị Th cũng như yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị Th, cần thiết sửa bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của bà C, các nội dung khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

[6] Về án phí phúc thẩm: Anh T, chị Th kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm mỗi người là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh T, chị Th. Sửa bản án sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Huỳnh Thị C.

2. Buộc anh Mai Văn T, chị Hồ Thị Th phải trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền là 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Anh T, chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch là 12.500.000đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng); phải chịu án phí phúc thẩm mỗi người là 300.000đồng. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 600.000đồng theo lai thu số 0008961, 0008962 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Bà C không phải chịu án phí, bà C được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000đồng theo lai thu số 0001224 ngày 21/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Tp. H;
- THA dân sự Tp. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhiên